

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-09-2024

V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Juh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huê

2. Ông Rmah Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 05 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: **Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Lương Văn Đ**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: **Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Tôi và anh **Lương Văn Đại tự n** đăng ký kết hôn ngày 01/12/2003 tại **UBND xã**

I, huyện P, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng tự giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả, đời sống hôn nhân không những không được cải thiện mà càng ngày càng mâu thuẫn làm cho cả hai cảm thấy ngột ngạt, không có hạnh phúc. Nay tôi cảm thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là Lương Mỹ Đ1, sinh ngày 09/04/2012 và Lương Thị Hồng N, sinh ngày 15/08/2007 và Lương Thị T1, sinh ngày 07/09/2004. Cháu T1 đã thành niên và tự lập nên không đề nghị giải quyết, đối với cháu Đ1 và cháu N thì tôi đề nghị giao con cho tôi nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Lương Văn Đ vẫn không đến Tòa án làm việc và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tại phiên tòa, anh Đ cũng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lương Mỹ Đ1, sinh ngày 09/04/2012 và Lương Thị Hồng N, sinh ngày 15/08/2007 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị **Hoàng Thị T** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị **Hoàng Thị T** khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh **Lương Văn Đ** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Gia Lai** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Lương Văn Đ** đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2003 tại **UBND xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai** trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn gay gắt do bất đồng về quan điểm sống. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Hoàng Thị T** xin được ly hôn với anh **Lương Văn Đ**.

Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Lương Văn Đ** có 03 con chung là **Lương Mỹ Đ1**, sinh ngày 09/04/2012 và **Lương Thị Hồng N**, sinh ngày 15/08/2007 và **Lương Thị T1**, sinh ngày 07/09/2004. Cháu **T1** đã thành niên và tự lập nên không đề nghị giải quyết. Trên cơ sở nguyện vọng của các con và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị **Hoàng Thị T**, giao cả 02 con chung là **Lương Mỹ Đ1**, sinh ngày 09/04/2012 và **Lương Thị Hồng N**, sinh ngày 15/08/2007 cho chị **Hoàng Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không xem xét do đương sự không yêu cầu.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 170; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thị T**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn với anh **Lương Văn Đ**.

Về con chung: Giao 02 con chung là **Lương Mỹ Đ1**, sinh ngày 09/04/2012 và **Lương Thị Hồng N**, sinh ngày 15/08/2007 cho chị **Hoàng Thị T** nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày tuyên án hôm nay (06/09/2024) cho đến khi con thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và áp dụng việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh **Nguyễn Văn P** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. **Về án phí:** Chị **Hoàng Thị T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008963 ngày 03 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Chị **Hoàng Thị T** đã nộp đủ.

3. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Thiện;
- Chi cục THADS;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Ake;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Juh

